**UNIVERSITY OF ECONOMICS AND LAW**

**FACULTY OF ACCOUNTING AND AUDIT**

**LEARNING OUTCOMES**

**OF THE MASTER ACCOUNTING PROGRAM OF 2021**

*Quoted from the decision No.1251 – 2021, December 31, 2021 about issuing Master training program of Rector of University of Economics and Law*

1. **Mục tiêu của chương trình đào tạo**

**Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo thạc sĩ kế toán được thiết kế hướng đến mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực có khả năng tổ chức, nghiên cứu, phân tích, đánh giá và xét đoán nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Học viên tốt nghiệp có khả năng đảm nhận vị trí giảng dạy kế toán, kiểm toán tại các trường đại học, cao đẳng; là chuyên gia nghiên cứu có khả năng khám phá, công bố các kiến thức mới trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại các viện, trung tâm nghiên cứu; là nhà quản lý có năng lực thiết kế, tổ chức, điều hành các công việc liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại các đơn vị hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp, các công ty đa quốc gia, các tập đoàn.

**Mục tiêu cụ thể**

Kiến thức: Chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ thạc sĩ nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán; có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán và vận dụng kiến thức này vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán. Có khả năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kế toán.

Kỹ năng: Học viên tốt nghiệp có kỹ năng tư duy cao trong việc chọn phương án tối ưu để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán; có khả năng lập luận và phản biện nghề nghiệp cao; khả năng nhận diện những yếu kém trong công việc tổ chức, vận hành công tác kế toán tại các đơn vị từ đó đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện nhằm hướng đến hiệu quả cao trong hoạt động của đơn vị.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Học viên có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động Kế toán - Kiểm toán; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao. Bên cạnh đó, học viên còn có năng lực tiếp tục nghiên cứu học tập lên bậc tiến sĩ ở trong và ngoài nước trong lĩnh vực Kế toán – Kiểm toán.

1. **Learning Outcomes**

| **No.** | **Chuẩn đầu ra** | **Mức độ nhận thức (Bloom)** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Kiến thức** |  |
| 1.1 | ***Kiến thức liên ngành:*** đưa ra nhận định, phán quyết của bản thân trong việc lựa chọn thích hợp kiến thức ngành kinh tế và kinh doanh để hình thành nền tảng cho việc học tập, xử lý công việc và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán. | 5 |
| 1.2 | ***Kiến thức chuyên ngành kế toán:*** độc lập và quyết đoán trong việc vận dụng kiến thức chuyên ngành để xử lý các vấn đề trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán trong môi trường hội nhập quốc tế về kế toán. | 5 |
| **2** | **Kỹ năng** |  |
| 2.1 | ***Kỹ năng giao tiếp:*** có khả năng lập luận, phản biệntrong giao tiếp nhằm giải quyết xung đột hiệu quả trong các môi trường và tình huống khác nhau. | 5 |
| 2.2 | ***Kỹ năng quản lý:*** có khả năng nhận diện những yếu kém đối với công tác tổ chức và quản lý hoạt động trong nghề nghiệp kế toán và kiểm toán | 5 |
| 2.3 | ***Kỹ năng ứng dụng công nghệ:*** lựa chọn công nghệ thông tin tiên tiến trong lĩnh vực kế toán kiểm toán phù hợp với đặc điểm và yêu cầu phát triển của đơn vị | 5 |
| 2.4 | ***Kỹ năng xét đoán***: xét đoán trong việc vận dụng các kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm phù hợp để đưa ra quyết định nghề nghiệp kế toán, kiểm toán | 5 |
| 2.5 | ***Kỹ năng phản biện*:** đánh giá vàphản biện các quy định, chính sách liên quan đến nghiệp kế toán kiểm toán. | 5 |
| 3 | **Thái độ chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp** |  |
| 3.1 | Khả năng lập kế hoạch và thực hiện tự học, tự nghiên cứu suối đời, khả năng lũy kinh nghiệm phát triển nghề nghiệp cá nhân | 5 |
| 3.2 | Phát triển đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ luật pháp và tiêu chuẩn nghề nghiệp và đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội | 5 |

**3) The matrix of program learning outcome and courses**

| **STT** | **HỌC KỲ** | **MSHP** | **TÊN HỌC PHẦN** | **TÍN CHỈ** | **CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | | | | | | | | | **TỔNG SỐ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **KIẾN THỨC** | | **KỸ NĂNG** | | | | | | **MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM** | |
| A1 | A2 | B3 | B4 | B5 | B6 | B7 | C8 | | C9 |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** | **[5]** | **[6]** | **[7]** | **[8]** | **[9]** | **[10]** | **[11]** | **[12]** | **[13]** | | **[14]** | **[15]** |
| 1 | 1 | GEN2010 | Tiếng anh học thuật | 4 | 4 |  | 4 |  |  |  |  | 4 | |  | 3 |
| 2 | 1 | GEN2011 | Triết học | 4 | 4 |  | 4 |  |  |  |  | 4 | |  | 3 |
| 3 | 1 | ACC2099 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 3 | 4 |  | 4 |  |  |  |  | 4 | |  | 3 |
| 4 | 1 | ACC2013 | Lý thuyết kế toán | 3 |  |  | 4 | 4 | 4 |  |  | 4 | |  | 4 |
| 5 | 1 | BUS2002 | Kinh tế học quản lý | 3 | 4 |  | 4 |  |  |  |  |  | | 4 | 3 |
| 6 | 1 | LAW2501 | Pháp luật về Công ty | 3 | 4 |  | 4 |  | 4 |  |  |  | |  | 3 |
| 7 | 2 | TKL2204 | Kinh tế lượng và ứng dụng | 3 | 5 |  |  | 4 |  |  |  | 4 | |  | 3 |
| 8 | 2 | FIN  2102 | Quản trị tài chính | 3 | 5 |  | 4 |  |  |  |  | 4 | |  | 3 |
| 9 | 2 | FIN2201 | Tài chính quốc tế | 3 | 5 |  | 4 |  | 4 |  |  |  | |  | 3 |
| 10 | 2 | FIN2204 | Quản trị rủi ro tài chính | 3 | 5 |  | 4 |  |  |  |  |  | | 4 | 3 |
| 11 | 2 | ACC2035 | Thuế và quản lý thuế nâng cao | 3 | 5 |  | 5 |  |  | 5 |  |  | | 5 | 4 |
| 12 | 2 | ACC2063 | Kế toán quốc tế | 3 |  | 5 |  |  |  |  | 5 |  | | 5 | 3 |
| 13 | 2 | ACC2043 | Kế toán công | 3 |  | 5 |  |  |  |  | 5 |  | | 5 | 3 |
| 14 | 3 | ACC2503 | Kiểm toán | 3 |  | 5 |  | 5 |  |  |  | 5 | |  | 3 |
| 15 | 3 | ACC2034 | Kế toán tài chính nâng cao | 3 |  | 5 |  |  |  | 5 | 5 |  | | 5 | 4 |
| 16 | 3 | ACC2002 | Hợp nhất báo cáo tài chính | 3 |  | 5 |  |  |  | 5 | 5 |  | | 5 | 4 |
| 17 | 3 | MAU4007 | Kế toán quản trị | 3 |  | 5 |  | 5 |  |  | 5 |  | |  | 3 |
| 18 | 3 | ACC2053 | Phân tích báo cáo tài chính | 3 |  |  | 5 |  | 5 | 5 |  |  | |  | 3 |
| 19 | 3 | MIS2023 | Hệ thống thông tin kế toán | 3 |  | 5 |  |  | 5 | 5 |  |  | |  | 3 |
| 20 | 3 | ACC2513 | Kiểm soát và kiểm toán nội bộ | 3 |  | 5 |  |  |  |  | 5 | 5 | | 5 | 4 |
|  |  |  | **Học phần tốt nghiệp** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| 21 | 4 |  | Luận văn thạc sỹ | 12 |  | 5 | 5 | 5 | 5 |  |  |  | | 5 | 5 |